**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TUẦN 32**

 **TUẦN** :…32…**Từ ngày** 21 / 04 **đến ngày**  25/ 04 / 2025

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ | Ngày | Môn | Số tiết chương trình | Tên bài dạy |
| **2** |  SÁNG  | HĐTN | 94 | Hát mừng ngày giải phóng Miền nam 30/04 |
| TV | 373 | Cuộc thi không thành |
| TV | 374 | Cuộc thi không thành (tt) |
| Đ Đ | 32 | Phòng tránh bị điện giật |
| TD | 63 | Ôn đá bóng bằng lòng bàn chânTrò chơi: Chuyển bóng tiếp sức |
| **3** | SÁNG | AN | 32 | Ôn thật là hay – Nhạc cụ TN- KP Vỗ tay theo cặp |
| TV (CTả) | 375 | Rùa con đi học – Chữ ng/ ngh |
| TV (TĐ) | 376 | Anh hùng biển cả |
| T | 94 | Đồng hồ thời gian |
|  CHIỀU | TV (TĐ) | 377 | Anh hùng biển cả (tt) |
| HĐTN | 95 | Cùng hợp tác |
| TNvàXH | 63 | Ôn tập và đánh giá chủ đề con người và sức khỏe |
|  |  |  |
| **4** | SÁNG | TV | 378 | Tô chữ hoa P, Q |
| TV | 379 | Hoa kết trái |
| T | 95 | Đồng hồ thời gian (tt) |
| TN&XH | 64 | Bầu trời ban ngày, ban đêm |
| **5** | SÁNG  | MT | 32 |  Ngôi nhà em yêu (tt) |
| TV | 380 | Trưng bày: “Quà tặng ý nghĩa” |
| TV | 381 | Cuộc phiêu lưu của giọt nước tí hon |
| TV | 382 | Tô chữ hoa R, S |
| **6** | SÁNG | TV | 383 |  Đọc báo |
| TV | 384 |  Đọc báo |
| T | 96 | Em ôn lại nhũng gì đã học |
| GDTC | 64 |  Làm quen đá bóng bằng lòng bàn chân vào cầu mônTrò chơi: Nhảy đúng, Nhảy nhanh |
| HĐTN | 96 |  Em học được gì từchủ đề *Chia sẻ và hợp tác?*NGLL: Chúng em kể chuyện về Bác Hồ |
|  |  |  |
|  GV **Lê Thị Liên****Thứ Hai ngày 21 tháng 4 năm 2025****HĐTN****KẾ HOẠCH DẠY HỌC** |  |  |  | SHL: Em học được gì về chủ đề chia sẻ hợp tác |

**HÁT MỪN G NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM 30/4**

------------------------------------------

**TIẾNG VIỆT**

**TẬP ĐỌC: CUỘC THI KHÔNG THÀNH ( T1,2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng, tốc độ đọc 60 tiếng/ phút. Biết nghỉ hơi hợp lí sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Nói – nghe về cách chạy của mỗi loài

- Hiểu nội dung câu chuyện: Mỗi loài, mỗi người xung quanh ta đều có đặc điểm, thoái quen riêng. Cần tôn trọng đặc điểm, thói quen của mỗi loài, mỗi người, không nên đòi người khác phải giống như mình.

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

**-** Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

- Biết yêu thương, tôn trọng đặc điểm, thói quen của mỗi loài, mỗi người.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- Tranh minh họa bài tập đọc, bảng phụ viết nội dung bài học, bài Tập đọc.

**-** *VBT Tiếng Việt 1, tập hai*.

- Mỗi HS 1 mảnh giấy trắng (cỡ 5 x 10 cm) để tham gia trò chơi khởi động.

- Thẻ xanh đỏ cho mỗi HS làm BT 2 (Chọn ý trả lời đúng: a hay b)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **35’/ 1 T** | **1. HĐ Mở đầu Tiết 1****\* Trò chơi:** Thi viết tên con vật sống dưới nước.- Nhận xét, tuyên dương HS.**\* Giới thiệu bài**- GV treo tranh minh họa, hỏi:+ Tranh vẽ những con vật nào?+ Chúng sống trên cạn hay dưới nước?+ Chúng “đi lại” có giống nhau không?- GV nhận xét, dẫn dắt giới thiệu vào bài- GV viết tên bài: *Cuộc thi không thành***2. HĐ Hình thành kiến thức** ***2.1. Hướng dẫn HS luyện đọc****a) GV đọc mẫu:* giọng rõ ràng, chậm rãi, đọc rõ ngữ điệu từng nhân vật.*b) Luyện đọc từ ngữ*- GV chỉ từng từ ngữ cho HS đọc: *không thành, trọng tài, xuất phát, chuyện rắc rối, quay đuôi, ngúng nguẩy, quay đầu, giật lùi, phóng thẳng, khuyên bảo,....*- GV hỏi *ngúng nguẩy* là như thế nào?- Giải nghĩa từ: *ngúng nguẩy* (tỏ thái độ không bằng lòng hay hờn dỗi).*c) Luyện đọc câu*- GV cùng HS đếm số câu trong bài: Bài có 13 câu.- GV cho HS đọc nối tiếp từng câu lần 1- Hướng dẫn đọc câu dài+ GV đọc mẫu 1 lần, ngắt câu dài,*Chúng cãi nhau vì / tôm chỉ quen bơi giật lùi, / cá chỉ biết phóng thẳng, / cua chỉ bò ngang*- Cho HS đọc câu trong nhóm đôi- GV theo dõi, giúp đỡ HS.**3.HĐLuyện tập thực hành Tiết 2** | - HS quan sát- 2 – 3 HS: Tranh vẽ tôm, cá, cua và rùa.- 1 – 2 HS: Chúng sống dưới nước- HS trả lời- Chú ý lắng nghe- Vài HS nhắc lại tên bài- Lắng nghe - chỉ tay đọc thầm theo- HS đọc cá nhân, cả lớp.- Chú ý lắng nghe và ghi nhớ- HS đếm số câu trong bài: Bài có 13 câu- Đọc nối tiếp (cá nhân, nhóm).*(Có thể cho HS 1 đọc câu 1, cả lớp đọc lại ⇨ HS 2 đọc câu 2, cả lớp đọc lại,… tương tự với các câu còn lại.)*- Chú ý theo dõi và thực hiện theo hướng dẫn.- HS đọc câu trong nhóm đôi |
|  | **\*** GV cho học sinh hát vận động theo nhạc.d) *Thi đọc đoạn, bài*\* Tổ chức cho HS đọc đoạn của bài:- GV chia đoạn và hướng dẫn HS đọc bài theo đoạn, lưu ý ngắt nghỉ ở dấu phẩy, dấu chấm.- Gồm có 3 đoạn (2 câu/ 7 câu/ 4 câu)\* Tổ chức cho HS đọc cả bài- Tổ chức cho HS thi đọc mỗi nhóm đồng thanh đọc một đoạn.- Hỏi: Nhóm nào đọc đúng - Thế nào là đọc tốt- GV nhận xét- Tổ chức cả lớp đọc đồng thanh toàn bài.***3.1. Tìm hiểu bài đọc***- GV gọi 3 HS tiếp nối đọc trước lớp 3 BT.- Tổ chức trao đổi nhóm, làm BTBT1:- GV hỏi: Tôm, cá và cua định làm gì?- Nhận xétBT2: - GV phát thẻ xanh đỏ và hỏi: Vì sao cuộc đua của ba bạn không thành? - GV đọc từng ý.- Mời HS giải thích- GV nhận xét chốt ý.BT3:- GV nêu yêu cầu BT- Chỉ từng cụm từ, yêu cầu cả lớp đọc.- Yêu cầu HS làm vào VBT.\* Lặp lại: Tổ chức cho HS hỏi đáp: 1 bạn hỏi – cả lớp đáp lần lượt 3 BT vừa làm.- GV nhận xét, chốt ý- GV hỏi: Cuộc thi của tôm, cá và cua không thành bởi vì ai cũng đòi chạy theo cách của mình. Cuộc thi muốn thành công thì ba bạn phải làm như thế nào?? Câu chuyện muốn nói với em điều gì?- GV nêu nội dung bài, giáo dục HS: Mỗi bạnđều có đặc điểm, thoái quen riêng. Cần tôn trọng đặc điểm, thói quen của mỗi loài, mỗi người, không nên đòi người khác phải giống như mình.***3.2. Luyện đọc lại***- GV hỏi trong bài gồm có những nhân vật nào?- Treo bảng phụ ghi lời đối thoại của 3 nhân vật và hướng dẫn HS đọc:*+ Tôm: Hai cậu phải quay đuôi về đích như mình!**+ Cá: Không, hai cậu phải quay đầu về đích như tớ!**+ Cua: Hai cậu phải quay ngang như tớ!*- Ngoài lời của nhân vật còn cần đọc lời của ai nữa?- Tổ chức cho HS đọc theo vai: người dẫn chuyện, tôm, cá, cua.- GV tổ chức cho các nhóm thi đọc.- Nhận xét, tuyên dương.**\*.** **Củng cố và nối tiếp**- GV mời cảlớp đọc lại bài - Nhận xét giờ học- Dặn HS về kể cho người thân nghe điều em đã hiểu được qua câu chuyện, chuẩn bị bài tiết sau: *Anh hùng biển cả.* | - HS hát vận động theo nhạc.- Đọc từng đoạn theo hình thức đọc nối tiếp: cá nhân, nhóm đôi, nhóm 4, đọc to trước lớp.- HS đọc nhóm 4 theo hình thức đọc nối tiếp, mỗi bạn một đoạn- Trả lời: + Nhóm đọc đúng không vấp, rõ ràng là ….+ Đọc tốt là đọc to, rõ ràng không quá chậm, không quá nhanh, biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.- Chú ý lắng nghe- Đọc đồng thanh- 3 HS tiếp nối đọc trước lớp 3 BT.- HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi- Đại diện nhóm trình bày.- HS trả lời: Tôm cá và cua định làm thi chạy- HS đọc từng ý và dùng thẻ để bày tỏ ý kiến- HS giải thích theo ý của mình.- Chú ý lắng nghe- HS đọc theo yêu cầu- Làm vào VBT: a) Tôm – (2) giật lùib) Cá – (3) phóng thẳngc) Cua – (1) bò ngang- HS hỏi đáp: 1 bạn hỏi – cả lớp đáp lần lượt 3 BT.- Lắng nghe và trả lời- Vài HS trả lời theo suy nghĩ- Theo dõi và ghi nhớ- HS: 3 nhân vật đó là Tôm, cá, cua.- HS đọc theo hướng dẫn- Lời của người dẫn chuyện- HS chia vai và luyện đọc trong nhóm.- Các nhóm thi đọc, nhóm khác nhận xét.- Đọc đồng thanh- Lắng nghe- Lắng nghe và thực hiện |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC:**

**BÀI 15: PHÒNG TRÁNH BỊ ĐIỆN GIẬT(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng**

Học xong bài này học sinh cần đạt những yêu cầu sau:

- Nhận biết được một số vật có sử dụng điện và một số hành vi nguy hiểm , có thể bị điện giật .

- Thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để phòng tránh bị điện giật .

**2.Phẩm chất, năng lực**

**2.1.Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**2.2.Năng lực**

- Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực đặc thù: Năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân và năng lực tư duy phê phán và sang tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**Giáo viên.**

- SGK Đạo đức 1 .

- Tranh ảnh , video clip về một số đồ dùng có sử dụng điện và một số hành vi không an toàn , có thể bị điện giật .

- Một số đồ dùng để chơi đóng vai .

**Học sinh.**

**-** Dụng cụ học tập: SGK, VBT Đạo đức 1, vở ghi chép.

**III.CÁC HỌAT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1. HĐ Mở đầu** - GV tổ chức cho HS chơi trò “ Tìm đồ vật có sử dụng điện ” . Cách chơi như sau : + GV để một HS xung phong làm người điều khiển trò chơi . + Người điều khiển trò chơi đứng phía trên lớp và nêu tên một đồ vật nào đó . Nếu là đồ vật có sử dụng điện ( như : bếp điện , ti vi , quạt máy , lò vi sóng , ... ) thì cả lớp phải vỗ tay và hô “ Có điện ! Có điện ! ” . Còn nếu không phải là đồ sử dụng điện ( như : khăn mặt , búp bê , lược chải đầu , ... ) thì cả lớp sẽ xua tay và hô “ Không có điện ! Không có điện ! ” . Ai làm sai sẽ không được chơi tiếp - GV tổ chức chơi trò chơi.- GV nhận xét trò chơi.- GV yêu cầu HS suy nghĩ và chia sẻ với bạn : Ở nhà em , lớp em có sử dụng KHS những đồ điện nào ? - GV dẫn dắt , giới thiệu bài mới . - GV viết tên bài lên bảng. | - HS chơi trò chơi .- HS lắng nghe- HS lắng nghe và trả lời: - HS lắng nghe- HS quan sát và dở sách . |
|  | **2. HĐ Hình thành kiến thức****Hoạt động 1: Xác định những hành động nguy hiểm , có thể bị điện giật**- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp : quan sát tranh ở mục a SGK Đạo đức 1 , trang 73 , 74 và cho biết : 1 ) Bạn trong mỗi tranh đang làm gì ?2 ) Việc làm ấy có thể dẫn đến điều gì ? - GV cho HS thảo luận nhóm đôi.- GV mời một số cặp HS trình bày ý kiến . Mỗi cặp chỉ trình bày ý kiến về một tranh .- GV gọi các nhóm khác nhận xét bổ sung- GV kết luận về từng tranh :- GV hỏi thêm : Ngoài các hành động trên , em còn biết những hành động nào khác có nguy cơ bị điện giật ? - GV kết luận : Có rất nhiều hành động nguy hiểm , có thể dẫn đến việc người bị điện giật .**Hoạt động 2: Thảo luận cách phòng tránh bị điện giật** | - Cả lớp quan sát và thực hiện thảo luận nhóm.- HS làm việc theo cặp . - HS trình bày.- HS nhận xét - HS lắng nghe- HS nêu ý kiến . - HS lắng nghe |
|  | - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm , xác định cách để phòng tránh bị điện giật . - GV mời một số nhóm trình bày ý kiến . - GV gọi các nhóm khác nhận xét và bổ sung.- GV kết luận : Để phòng tránh bị điện giật em cần cẩn thận : + Không thò ngón tay , chọc que kim loại vào ổ điện . + Không nghịch đồ điện khi đang được cắm điện . + Không đi chân đất , dùng tay ướt , đứng ở chỗ ẩm ướt để cắm phích cắm vào ổ điện hoặc để bật công tắc , cầu dao điện . + Không dùng que để khều , lấy đồ vật bị mắc trên dây điện . + Không đến gần tủ điện , leo trèo cột điện . +…. - GV gọi HS đọc lại. **3. HĐ Củng cố và nối tiếp**-GV nhận xét giờ học.Tuyên dương những HS tích cực.-GV dặn HS chuẩn bị bài Tiết 2 | - HS thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được giao.- HS trình bày ý kiến.- HS nhận xét.- HS lắng nghe.- HS đọc. |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

---------------------------------------------------

 **GDTC: Ôn dẫn bón bằng lòng bàn chân**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1.Về phẩm chất: Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Tích cực trong tập luyện TDTT và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, rèn luyện tư thế, tác phong và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện dẫn bóng bằng lòng bàn chân trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

2.2. Năng lực đặc thù:

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Biết cách thực hiện dẫn bóng bằng lòng bàn chân và tích cực tham gia tập luyện.

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được động tác dẫn bóng bằng lòng bàn chân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-** Địa điểm: Sân trường

- Phương tiện:

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, bóng mini, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian**  | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **6-10ph****18-22ph****4- 6ph** | **1. Phần mở đầu**Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học- Gv HD học sinh khởi động.**2. Phần cơ bản****\* Kiến thức.**- Động tác dẫn bóng bằng chân thuận.dẫn bóng bằng chân thuậnGV giới thiệu động tácGV thực hiện động tác mẫuGV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.- GV thổi còi cho HS tập.\***Luyện tập**- GV hô – HS tập theo Gv.- Gv quan sát, sửa sai cho HS.- Yc Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.- GV tổ chức HS thi đua giữa các tổ.- GV nêu tên trò chơi: Ném vòng trúng đích.- Hướng dẫn cách chơi. **3. Hoạt động nối tiếp**- Nhắc lại cách chuyền bong bằng hai tay- Cho HS thả lỏng - Chuẩn bị bài sau. - Nhận xét tiết học | Đội hình nhận lớp Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. Đội hình HS quan sát tranh - Đội hình tập luyện đồng loạt. =- Từng tổ lên thi đua – trình diễn  ---------- ---------- HS chơi trò chơiHS thực hiện thả lỏng |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................--------------------------------------------------

**Thứ Ba ngày 22 tháng 4 năm 2025**

**TIẾNG VIỆT: CHÍNH TẢ (TẬP CHÉP)**

 **RÙA CON ĐI CHỢ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tập chép đúng chính tả bài Rùa con đi chợ

- Làm đúng bài tập: điền tiếng còn thiếu vào chỗ trống để hoàn chỉnh một đoạn , bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ

 **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **35’/ 1 T** | 1.HĐ **Mở đầu**Hát bài: “ Chim chích bông” **2. HĐ Luyện tập thực hành** GV đọc bài- Gọi 1 HS đọc , cả lớp đọc lại.- GV chỉ các từ dễ viết sai, cả lớp đọc - GV cho HS đọc nhẩm từng tiếng mình viết dễ sai- GV cho HS cất SGK, GV đọc từng dòng thơ ( mỗi dòng không quá 3 lần).- Cho HS viết vào vở luyện viết 1, tập 2, tô chữ hoa đầu dòng thơ.- GV đọc chậm từng dòng cho HS soát lỗi, gạch chân bằng bút chì chữ viết sai, viết lại chữ đó bên lề vở.- GV chữa trên bảng lỗi học sinh thường mắc.2.2. Làm bài tập chính tảa) BT2 ( Tìm tiếng còn thiếu để hoàn chỉnh bài)- GV nêu yêu cầu-HS làm bài vào vở luyện viết1, tập 2.- Gọi 1 HS trả lời miệng- GV điền tiếng trên bảng lớpb)BT 3 - GV cho HS làm bài vào vở **\*. HĐ Củng cố và nối tiếp**- GV nhận xét tiết học. Chuẩn bị tiết sau. | HS đọc- HS nhẩm đánh vần từng tiếng các em dễ viết sai.* HS viết bài

HS lắng nghe và thực hiệnCả lớp đọcHọc sinh lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** (Nếu có)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

--------------------------------------------------------

**TIẾNG VIỆT: TẬP ĐỌC: ANH HÙNG BIỂN CẢ (T1,2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Qua bài học, học sinh được hình thành những Năng lực và Phẩm chất sau:

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng, tốc độ đọc 60 tiếng/ phút. Biết nghỉ hơi hợp lí sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung câu chuyện nói về những đặc điểm của loài cá heo, ca ngợi cá heo thông minh, tài giỏi, là bạn tốt của mọi người.

 **2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

 **-** Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ các loài vật có ích.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- Tranh minh họa bài tập đọc, bảng phụ viết nội dung bài học, bài Tập đọc.

**-** *VBT Tiếng Việt 1, tập hai*.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **35’/ 1 T** | **1.HĐ Mở đầu Tiết 1****\* Nói về cá heo**- GV hỏi: Em đã bao giờ thấy cá heo chưa? Em biết gì về cá heo?- Nhận xét, chốt ý**\* Giới thiệu bài**- GV treo tranh minh họa, hỏi:+ Tranh vẽ gì?- GV nhận xét, dẫn dắt giới thiệu vào bài- GV viết tên bài: *Anh hùng biển cả***2. HĐ Luyện tập, thực hành*****2.1. Hướng dẫn HS luyện đọc****a) GV đọc mẫu:* giọng ngưỡng mộ, cảm phục.*b) Luyện đọc từ ngữ*- GV chỉ từng từ ngữ cho HS đọc: *tay bơi, nhanh vun vút, thông minh, dẫn tàu thuyền, săn lùng, huân chương*- GV hỏi *tay bơi* là như thế nào?- Giải nghĩa từ: *tay bơi* (bơi rất giỏi).*c) Luyện đọc câu*- GV cùng HS đếm số câu trong bài: Bài có 8 câu.- GV cho HS đọc nối tiếp từng câu lần 1- Hướng dẫn đọc câu dài+ GV đọc mẫu 1 lần, ngắt câu dài,*Một chú cá heo ở Biển Đen từng đuọc thưởng huân chương / vì đã cứu sống một phi công. Nó giúp anh thoát khỏi luc cá mập / khi anh nhảy dù xuống biển / vì máy bay bị hỏng.*- Cho HS đọc câu trong nhóm đôi- GV theo dõi, giúp đỡ HS.**Tiết 2** | - 2 HS đọc và 1 HS trả lời câu hỏi- HS phát biểu theo suy nghĩ- Chú ý lắng nghe- HS quan sát- HS trả lời- Chú ý lắng nghe- Vài HS nhắc lại tên bài- Lắng nghe - chỉ tay đọc thầm theo- HS đọc cá nhân, cả lớp.- Trả lời: bơi rất giỏi).- Chú ý lắng nghe và ghi nhớ- HS đếm số câu trong bài: Bài có 8 câu- Đọc nối tiếp (cá nhân, nhóm).*(Có thể cho HS 1 đọc câu 1, cả lớp đọc lại ⇨ HS 2 đọc câu 2, cả lớp đọc lại,… tương tự với các câu còn lại.)*- Chú ý theo dõi và thực hiện theo hướng dẫn.- HS đọc câu trong nhóm đôi |
|  | **\*** GV cho học sinh hát vận động theo nhạc.d) *Thi đọc đoạn, bài*\* Tổ chức cho HS đọc đoạn của bài:- GV chia đoạn và hướng dẫn HS đọc bài theo đoạn, lưu ý ngắt nghỉ ở dấu phẩy, dấu chấm.- Gồm có 2 đoạn (4câu/ 4 câu)\* Tổ chức cho HS đọc cả bài- Tổ chức cho HS thi đọc mỗi nhóm đồng thanh đọc một đoạn.- Hỏi: Nhóm nào đọc đúng - Thế nào là đọc tốt- GV nhận xét- Tổ chức cả lớp đọc đồng thanh toàn bài.***2.2. Tìm hiểu bài đọc***- GV gọi 3 HS tiếp nối đọc trước lớp 3 BT.- Tổ chức trao đổi nhóm đôi, làm BT- GV hỏi cả lớp từng câuBT1:- GV hỏi: Cá heo có đặc điểm gì khác với loài cá khác?- Nhận xétBT2: - GV hỏi: Vì sao các heo đuọc gọi là anh hùng biển cả? - GV nhận xét chốt ý.BT3:- GV nêu yêu cầu BT- Chỉ từng cụm từ, yêu cầu cả lớp đọc.- Gọi HS trả lời và giải thích\* Lặp lại: Tổ chức cho HS hỏi đáp: 1 bạn hỏi – cả lớp đáp lần lượt 3 BT vừa làm.- GV nhận xét, chốt ý? Câu chuyện muốn nói với em điều gì?- GV nêu nội dung bài, giáo dục HS: Câu chuyện nói về những đặc điểm của loài cá heo, ca ngợi cá heo thông minh, tài giỏi, là bạn tốt của mọi người.***2.3. Luyện đọc lại***- Tổ chức cho HS thi đọc nối tiếp 2 đoạn – mỗi HS đọc 1 đoạn.- GV tổ chức cho các nhóm thi đọc cả bài.- Nhận xét, tuyên dương.**\*.** **Củng cố và nối tiếp**- GV mời cảlớp đọc lại bài - Nhận xét giờ học- Dặn HS về kể cho người thân nghe điều em đã hiểu được qua câu chuyện, chuẩn bị bài tiết sau. | - HS hát vận động theo nhạc.- Đọc từng đoạn theo hình thức đọc nối tiếp: cá nhân, nhóm đôi, nhóm 4, đọc to trước lớp.- HS đọc nhóm 4 theo hình thức đọc nối tiếp, mỗi bạn một đoạn- Trả lời: + Nhóm đọc đúng không vấp, rõ ràng là ….+ Đọc tốt là đọc to, rõ ràng không quá chậm, không quá nhanh, biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.- Chú ý lắng nghe- Đọc đồng thanh- 3 HS tiếp nối đọc trước lớp 3 BT.- HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi- HS trong lớp trả lời.- HS trả lời- HS trả lời- Chú ý lắng nghe- HS đọc theo yêu cầu- Đọc đồng thanh- HS trả lời theo suy nghĩ- 1 bạn hỏi – cả lớp đáp lần lượt 3 BT vừa làm.- Vài HS trả lời theo suy nghĩ- Theo dõi và ghi nhớ- HS thi đọc nối tiếp 2 đoạn – mỗi HS đọc 1 đoạn.- 2 nhóm thi đọc cả bài (mỗi nhóm 4 bạn), nhóm khác nhận xét. - Đọc đồng thanh- Lắng nghe- Lắng nghe và thực hiện |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................----------------------------------------------------

**TOÁN**

**BÀI HỌC STEM**

**BÀI 14: ĐỒNG HỒ TIỆN ÍCH**

**(2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

– Đọc giờ đúng trên đồng hồ. Vận dụng làm được mô hình đồng hồ có đủ 12 số dán đúng thứ tự, 2 kim đồng hồ có thể xoay được.

– Biết chọn thời gian phù hợp với các hoạt động trong ngày.

– Trung thực, mạnh dạn nói lên ý kiến của mình trong trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm “Đồng hồ tiện ích” đã làm được.

–Tự tin trình bày ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng và trưng bày, giới thiệu sản phẩm của nhóm mình trước lớp.

– Hợp tác với các bạn để tạo sản phẩm và điều chỉnh, hoàn thiện sản phẩm của nhóm.

– Có cơ hội hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

– Dụng cụ và vật liệu (dành cho 1 nhóm 5 HS)

| **STT** | **Thiết bị/ Học liệu** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Mẫu in sẵn các bộ phận của đồng hồ | 39 tờ |  |
| 2 | Đĩa giấy | 6 đĩa |  |

**2. Chuẩn bị của HS (dành cho 1 HS)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/Dụng cụ** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Hộp bút (lông) màu | 1 hộp |  |
| 2 | Đất nặn | 1 hộp |  |
| 3 | Kéo | 1 cái |  |
| 4 | Ống hút | 1 cái |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- | --- |
| **35’** | **I.KHỞI ĐỘNG**  |
|  | – GV: Mời HS cùng hát múa bài: | - HS tham gia khởi động. |
|  | **Hoạt động 1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi** |
|  | – GV: Cùng vận động với HS | HS đọc bài thơ và vận động theo nhịp. |
|  | – GV: Đố các con biết, bài thơ vừa rồi nhắc đến đồ vật gì | **–** HS: Đồng hồ |
|  | – GV: Chính xác rồi. Nhà bạn nào có đồng hồ? | – HS trả lời. |
|  | – GV: Cô thấy nhà bạn nào cũng có đồng hồ. Vì sao mà nhà ai cũng có đồng hồ các em nhỉ?  | – HS nêu ích lợi của đồng hồ. |
|  | – GV: Đồng hồ giúp chúng ta biết được thời gian để sắp xếp công việc nên nhà nào cũng có đồng hồ. Thế đồng hồ nhà em có dạng hình gì? | – HS nêu các câu trả lời: tròn, vuông, tam giác, con vật,… |
|  | – GV: Đồng hồ có rất nhiều hình dạng như các em vừa chia sẻ. Các em có muốn tự mình làm một chiếc đồng hồ không? | – HS trả lời.  |
|  | GV: Cô sẽ giúp các con làm được 1 chiếc đồng hồ qua Bài học STEM “Đồng hồ tiện ích” ngày hôm nay. GV gọi HS nhắc lại tên bài học. | – HS nối tiếp nhau nêu tên bài học. |
|  | **II.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** |
|  | **Hoạt động 2: Xem đồng hồ** |
|  | – GV: Để làm được một chiếc đồng hồ chúng mình cùng tìm hiểu xem đồng hồ có những bộ phận nào nhé! |  |
|  | – GV: Hãy quan sát tranh bài 2, thảo luận nhóm về những gì các em quan sát được trên đồng hồ. Theo em đồng hồ gồm những bộ phận nào?  | – HS thảo luận nhóm chỉ và nói cho nhau nghe những bộ phận trên đồng hồ như mặt đồng hồ, kim đồng hồ, các số, các vạch…. |
|  | – GV: Hãy quan sát thật kĩ đồng hồ và chia sẻ với các bạn trong nhóm câu trả lời của em. Thời gian làm việc nhóm là 2 phút. 2 phút bắt đầu. | – HS làm việc nhóm. Thời gian 2 phút.  |
|  | – GV mời đại diện nhóm chia sẻ.  | – 2 HS lên bảng chỉ vào từng bộ phận và chia sẻ: (Đây là mặt đồng hồ, đây là kim ngắn, kim dài, có các số và các vạch).  |
|  | – GV: Ai nhất trí với phần chia sẻ của bạn thì tặng bạn một tràng pháo tay. | – HS theo dõi và làm theo. |
|  | – GV**: Chốt:** Đúng rồi. Một chiếc đồng hồ có mặt đồng hồ, kim dài, kim ngắn. Trên mặt đồng hồ có 12 số. Đó là các số từ 1 đến 12. Các số này được xếp lần lượt từ bé đến lớn theo 1 vòng và cách đều nhau. Kim ngắn có nhiệm vụ chỉ giờ và kim dài chỉ phút. Hai kim sẽ quay theo chiều từ phải sang trái, người ta gọi là chiều kim đồng hồ đấy các em ạ. | – HS theo dõi và làm theo. |
|  | – GV: Cách xem giờ như thế nào, cô sẽ bật mí cho các em ngay sau đây. | – HS theo dõi và làm theo. |
|  | GV cầm mô hình đồng hồ: Xin chào các bạn, mình là chiếc ĐH bận rộn, mình làm việc suốt ngày đấy các bạn ạ.Khi kim dài chỉ vào số 12, kim ngắn chỉ vào số 9 là đồng hồ chỉ 9 giờ. Cùng đọc với cô nào: 9 giờ.  | – HS theo dõi và làm theo. |
|  | – GV: Lúc 9 giờ, kim dài chỉ vào số nào, kim ngắn chỉ vào số nào? | – HS trả lời. |
|  | – GV: Bây giờ kim dài vẫn ở số 12, kim ngắn chỉ vào số 1 là đồng hồ chỉ 1 giờ. | – HS trả lời. |
|  | – GV: Lúc 1 giờ thì 2 kim ở vị trí nào? | – HS trả lời. |
|  | – GV: Mời HS lên quay đồng hồ chỉ 3 giờ  | – HS lên quay, nhận xét. |
|  | – GV: Cô mời một bạn lên quay kim ngắn đến một số em thích. Còn các bạn ở dưới quan sát xem, bạn đang quay kim đồng hồ ở vị trí mấy giờ rồi viết giờ vào thẻ từ. Các em hãy lấy thẻ từ ra nào! Ai xung phong lên bảng?  | – HS lên di chuyển vị trí kim ngắn.– Đố bạn đồng hồ chỉ mấy giờ, hãy viết giờ vào thẻ từ? (HS viết, giơ thẻ)– HS khác trả lời: Đáp án của tớ là…. |
|  | – Nêu yêu cầu BT1: Đồng hồ chỉ mấy giờ? | – HS viết vào phiếu BT |
|  | – GV tổ chức cho HS làm và chữa bài. |  |
|  | – GV: Trong lớp mình, bạn nào cũng tập thể dục vào lúc 6 giờ? (HS giơ tay). Tập thể dục có lợi cho sức khỏe nên các con nhớ chăm chỉ tập thể dục nhé. Bạn nào chưa tập thể dục thì hãy học tập bạn.- GV: Các con ạ, mỗi thời gian trong ngày sẽ phù hợp để ta thực hiện một hoạt động. Hãy biết sắp xếp thời gian một cách khoa học để luôn có sức khỏe tốt, học tập hiệu quả các con nhé! Đến giờ thư giãn rồi. Cùng vận động nào. HS vận động và cùng đọc bài thơ: Đồng hồ tích tắc | HS vận động theo hướng dẫn. |
|  | **THỰC HÀNH – VẬN DỤNG** |
|  | **Hoạt động 3: Đề xuất ý tưởng và cách làm đồng hồ tiện ích**  |
|  | *Thảo luận và chia sẻ ý tưởng làm đồng hồ tiện ích* |
|  | GV: Cô thấy chúng mình đều muốn làm một chiếc đồng hồ rồi. Hãy tưởng tượng nếu làm một chiếc đồng hồ thì chiếc đồng hồ của em sẽ như thế nào? Cô có một số mặt đồng hồ, các em có thể lựa chọn mặt đồng hồ mình thích. Hãy suy nghĩ thảo luận xem nhóm em lựa chọn vật liệu nào để làm đồng hồ. Em hãy chia sẻ ý tưởng của con với các bạn trong nhóm nhé.  | HS nói thoải mái theo trí tưởng tượng trong thời gian 2 phút. |
|  | – GV: Gọi 2 HS nêu ý tưởng.  | HS1: Thưa cô, chiếc đồng hồ của em có dạng hình tròn, có 12 số và có 2 kim có thể xoay được ạ.HS2: Thưa cô, đồng hồ của em hình bông hoa ạ. Em sẽ viết 12 số bằng các màu khác nhau, em dùng ống hút và đất nặn để là ống xoay kim đồng hồ ạ |
|  | – GV: Nhóm nào lựa chọn làm đồng hồ từ giấy bìa/đĩa giấy? |  |
|  | – GV: Cô thấy các bạn có nhiều ý tưởng làm đồng hồ khác nhau. Vậy theo em chiếc đồng hồ em định làm cần có những gì? | HS trả lời theo suy nghĩ |
|  | – Các đồng hồ này phải đảm bảo các tiêu chí sau: + Mặt đồng hồ có đủ 12 số từ 1 đến 12 đúng vị trí.+ Có kim dài, kim ngắn có thể quay được.+ Sản phẩm được trang trí đẹp, thẩm mĩ và chắc chắn. |  |
|  | GV: Cô biết rằng các em sẽ có rất nhiều ý tưởng thực hiện và cô cũng muốn gợi ý thêm cho các em 1 số cách làm kim nữa các con hãy cùng tham khảo nhé. – Cô lưu ý các em trước khi thực hiện làm sản phẩm:1. Lựa chọn vật liệu, kích thước phù hợp với nhu cầu2. Có thể thay đổi so với ý tưởng ban đầu.3. Cẩn thận, an toàn khi dùng kéo, giữ vệ sinh cá nhân, môi trường. | Theo dõi hướng dẫn và video. |
|  | **Hoạt động 4. Làm đồng hồ tiện ích** |  |
|  | – Cô tin rằng các bạn lớp mình sẽ làm được những chiếc đồng hồ không những đáp ứng đầy đủ các tiêu chí này mà còn rất sáng tạo mang nét đặc trưng riêng của nhóm. Chúng mình có đồng ý không? Cô dành cho các em 20’ để tạo ra chiếc đồng hồ yêu thích. Mời các nhóm trưởng lên lấy đồ dùng cho nhóm mình nhé bắt đầu. | HS làm việc theo nhóm (20 phút) |
|  | **Hoạt động 5. Sử dụng đồng hồ tiện ích** |  |
|  | Bây giờ để thử xem chiếc đồng hồ của các con có hoạt động tốt không, chúng ta hãy cùng nhau vượt qua các thử thách nhé. + Hãy quay kim đồng hồ chỉ giờ các con thức dậy nào.+ Chúng mình đi học vào lúc mấy giờ nhỉ? | HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm.Tự đánh giá trong nhómQuay kim đồng hồ theo hiệu lệnh của cô |
|  | Vừa rồi cô thấy các em đã đánh giá trong nhóm vô cùng tích cực. + Cô thấy có bạn …. dậy muộn hơn bạn … nhưng cả 2 bạn vẫn đến lớp đúng giờ. Các con có biết vì sao không? (Vì bạn nhà gần hơn)+ À đúng rồi đấy. Các em ạ, mỗi người lại có thời gian hoạt động khác nhau. Điều quan trọng là chúng ta cần biết sắp xếp thời gian một cách hợp lí, chớ phí một giây nào các em nhé.– Vậy khi về nhà các em sẽ ôn bài vào lúc mấy giờ?+ Mỗi ngày các em nên dành thời gian để ôn bài sẽ giúp các em học tốt hơn.– Chúng mình sẽ đi ngủ vào lúc mấy giờ nhỉ?Các em nhớ là không ngủ muộn quá để ảnh hưởng tới sức khoẻ nhé. Với độ tuổi của chúng mình các con nên ngủ từ 9 – 10 giờ để đủ năng lượng học tập và vui chơi cho ngày hôm sau. |  |
|  | – Nào giờ là lúc các nhóm cho cô xem sản phẩm nào. (HS làm xong gắn bảng nhóm)– Bây giờ cô sẽ thưởng cho cả lớp 1 chuyến du lịch ngắn. Mỗi nhóm cử 1 bạn ở lại để giới thiệu sản phẩm của nhóm mình và giải đáp câu hỏi của các nhóm khác. Các nhóm hãy đi vòng quanh xem sản phẩm của nhóm khác và đặt câu hỏi cho nhóm bạn. Chúng mình nhớ ghi đánh giá vào phiếu đánh giá sản phẩm nhé.\* *GV chú ý nhận xét về cách viết số, làm kim, làm trụ, trang trí.*– GV hỏi HS: Thích đồng hồ nhóm bạn nào nhất?GV: Cô khen hôm nay các em học tập chăm chỉ, bạn nào cũng làm cho mình được một chiếc đồng hồ và quan trọng là các em đã biết cách đọc giờ đúng trên đồng hồ. các con có thể rút kinh nghiệm cho bản thân và làm thêm được nhiều chiếc đồng hồ tiện ích nữa và hãy giữ gìn chiếc đồng hồ thật cẩn thận, nó sẽ giúp ích cho các em trong những năm học sau đấy.  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN: ĐỒNG HỒ - TIỆN ÍCH (T1) – Bài học Stem**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

 Nhận biết giờ đúng trên đồng hồ. Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên đồng hồ và giải quyết một số vấn đề thực tiến đơn giản liên quan đến đọc giờ đúng.

- Để đạt được các yêu cầu này, trong bài học STEM “Đồng hồ 12 giờ”, học sinh sẽ lắp ghép các số trên mặt đồng hồ đã chia khoảng cách với các số có sẵn trong bộ đồ dùng và trang trí đồng hồ đó.

- Thực hiện được việc đọc đọc, viết đúng giờ trên đồng hồ.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đọc giờ đúng.

- Phát triển các NL toán học. Rèn luyện kĩ năng thực hành.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị một đồng hồ giấy có thể quay được kim dài và kim ngắn. Mỗi nhóm HS mang đến một đồng hồ có kim dài và kim ngắn.

- Phiếu bài tập, tranh tình huống như trong SGK.

- Các phiếu BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY** **HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1.HĐ Mở đầu**Giới thiệu bài và ghi đề bài**2.HĐ Hình thành kiến thức****\* Nhận biết mặt đồng hồ và cách đọc giờ đúng**- “Mặt đồng hồ có 12 số, có kim ngắn và kim dài. Kim ngắn và kim dài đều quay được và quay theo chiều từ số 1 đến số 12 rồi tiếp tục từ số 12 sang số 1. Kim ngấn chỉ giờ, kim dài chỉ phút”.- GV gắn đồng hồ chỉ giờ đúng lên bảng, hướng dẫn HS đọc giờ đúng trên đồng hồ, chẳng hạn: “Kim dài chỉ vào số 12, kim ngắn chỉ đúng vào số 9, ta nói: Đồng hồ chỉ 9 giờ”.- GV gắn một số đồng hồ chỉ giờ đúng khác lên bảng, HS đọc giờ đúng rồi chia sẻ với bạn.- GV gọi một vài HS trả lời, đặt câu hỏi để HS giải thích tại sao các em lại đọc được giờ như vậy.**\* Thực hành xem đồng hồ**- Thực hành theo nhóm, phân biệt kim ngắn, kim dài, quay kim trên mặt đồng hồ của nhóm, rồi đọc kết quả.3.**. HĐ Luyện tập thực hành****Bài 1. Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ**- GV cho HS làm bài cá nhân - GV theo dõi giúp đỡ HS làm còn chậm- GV nhận xét chốt kết quả**Bài 2. Chọn đồng hồ chỉ giờ thích hợp với mỗi tranh vẽ:**- GV cho HS làm nhóm đôi- GV nhận xét chốt ý**\*. HĐ Củng cố và nối tiếp**- GV chốt ý bài học- Chuẩn bị bài sau - Nhận xét tiết học | - HS hát- HS nhắc lại- HS theo dõi, quan sát- HS làm cá nhân.- HS nhận xét- HS quan sát GV làm mẫu:- HS làm phiếu nhóm đôi- Đại diện trình bày |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................-----------------------------------------------

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI:**

**ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ**

**CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học, HS đạt được

 \* Về nhận thức khoa học:

- Xác định được các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ.

- Nêu được các bộ phận bên ngoài của cơ thể và các giác quan.

 \* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

Quan sát các hình ảnh để tìm ra những hoạt động nào nên thực hiện thường xuyên và những hoạt động nào nên hạn chế.

\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

 Liên hệ đến những hoạt động hằng ngày thể hiện thái độ và việc làm liên quan đến giũ vệ sinh cá nhân tránh xâm hại..

**2. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức vận động và nghỉ ngơi hợp lý.

- Chăm chỉ: Trẻ có thói quen cho bản thân.

**3. Năng lực**

**3.1. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác.

- Nhân ái: Yêu thương, tôn trọng bạn bè, thầy cô.

**3.2. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức khoa học.

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xã hội.

- Năng lực vận dụng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**:

- Loa và thiết bị phát bài hát.

- GV sưu tầm một số hình ảnh trong SGK

- Các tình huống cho hoạt động xử lí tình huống.

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

**2. Học sinh:**

- Sách giáo khoa, VBT Tự nhiên và Xã hội 1,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***35’*** | 1. ***HĐ Mở đầu***
2. ***HĐ Luyện tập, thực hành***

***Hoạt động 1: Các bộ phận bên ngoài của cơ thể***- GV yêu cầu một số HS nhắc lại các bộ phận bên ngoài của cơ thể?- Yêu cầu HS quan sát SGK trang 124 - Cho HS thảo luận câu hỏi trong SGK : “ Lưu ý: GV nhắc HS , các em cũng cần biết rằng , không được dùng vật cứng chạm vào các giác quan của ai hay của chính họ ***Hoạt động 2: Nói tên các giác quan phù hợp với mỗi hình***\* Cách tiến hành *Bước 1: Làm việc theo cặp* - Các câu hỏiNói tên các giác quan vẽ trong các hình 1 , 2 , 3 , 4 ,5 ? - Em sẽ làm gì khi bị người khác làm tổn thương các giác quan? *Hoạt động 3: Giữ vệ sinh cá nhân tránh xâm hại*-GV yêu cầu HS đọc lời con ong ở cuối trang 124 (SGK ) để trả lời câu hỏi: Xâm hại trẻ em là gì ? Tiếp theo , GV có thể yêu cầu HS làm câu 3 của Bài 19 (VBT ) , qua đó mở rộng hiểu biết cho HS về một số hành vi xâm hại trẻ em khác. + Đối với câu hỏi: “ Em sẽ làm gì khi bị người khác làm tổn thương hoặc gây hại ? ” , GV nhấn mạnh nếu không may điều đó xảy ra , các em cần phải nói với người lớn tin 165 cậy để được giúp đỡ và tránh bị lặp lại. Tốt nhất là chúng ta học cách phòng tránh bị xâm hại để giữ an toàn cho bản thân.viên trong nhóm trình bày và trao đổi , thảo luận **3.HĐ Củng cố và nối tiếp**- Nhận xét tiết học.- Giao nhiệm vụ | Hát- Quan sát tranh- Thảo luận- Đại diện nhóm trình bày- Các nhóm quan sát tranh trả lời- HS đọc- HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

--------------------------------------------------

**---------------------------------------------------------------------------------------------------**

**HĐTN: CÙNG HỢP TÁC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết cùng nhau hợp tác trong các hoạt động hằng ngày ở trường, ở nơi công cộng.

- Biết thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê trong hoạt động cùng nhau.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- Một vài phương tiện cho hoạt động như: quảng cáo, rổ đựng bóng.

- Trang phục gọn gàng khi tham gia trò chơi,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1. HĐ Mở đầu**Giới thiệu nội dung tiết sinh hoạt**2. HĐ Luyện tập thực hành****Hoạt động 1: Quan sát và liên hệ**HS xem tranh trong SGK. Các em nói về những việc làm cụ thể của các bạn trong tranh: Bạn thì bỏ rác vào thùng đựng rác, bạn tưới cây, bạn nhổ cỏ cho vườn cây. Tất cả đang cùng nhau chăm sóc vườn cây xanh. Các em tự liên hệ bản thân về những việc làm cụ thể của bản thân mình thể hiện sự hợp tác với mọi người trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình, ở trường hay nơi công cộng.*Kết luận*HS hiểu được rằng chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện rất nhiều hoạt động hợp tác cụ thể trong đời sống hằng ngày.***Hoạt động 2: Chia sẻ***GV tổ chức cho HS chia sẻ cặp đôi về những việc đã làm cùng nhau ở lớp. Các em trao đổi về công việc cụ thể đã làm như: cùng tưới cây, cùng dọn vệ sinh và bỏ rác vào thùng rác (cùng trực nhật) hay cùng nhau tập văn nghệ, làm vòng, làm hộp bút.*Kết luận*HS học được cách hợp tác cùng các bạn khi làm việc tập thể sẽ mang lại nhiều điều lí thú và bổ ích.**Hoạt động 3” Trò chơi: “Đưa bóng vào rổ”**Toàn lớp xếp thành hai hàng. Phía trước là chiếc rổ rỗng đựng các quả bóng khi HS đưa bóng vào rổ. Khi có hiệu lệnh từ phía GV, 2 HS đại diện 2 hàng nhanh chóng chạy lên đưa bóng vào rổ bằng cách để quả bóng vào giữa trán của 2 bạn, di chuyển sao cho quả bóng không bị rơi. Khi đến rổ, 2 bạn cần khéo léo để cùng thả được quả bóng vào rổ.*Kết luận*Nếu chúng ta biết hợp tác cùng nhau khi chơi trò chơi hay làm bất kì việc nào thì sẽ đạt được kết quả.**3.HĐ Củng cố và nối tiếp**- GV chốt nội dung tiết sinh hoạt- Chuẩn bị tiết sau- Nhận xét tiết sinh hoạt | - HS lắng nghe- Quan sát cá nhân- HS quan sát làm việc theo cặp. - HS nhận xét và chia sẻ- HS nhắc lại- HS chia sẻ theo cặp- HS nhận xét và chia sẻ- HS nhắc lại- HS chơi trò chơi- HS nhắc lại |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

--------------------------------------------------

**Thứ Tư ngày 22 tháng 4 năm 205**

**TIẾNG VIỆT: TÔ CHỮ HOA P, Q**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Qua bài học, học sinh được hình thành những Năng lực và Phẩm chất sau:

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Tô, viết đúng chữ viết hoa **P, Q** chữ thường cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập hai.

- Viết đúng từ, câu: cá heo, vun vút. Quê hương tươi đẹp.

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển ngôn ngữ. Khả năng quan sát, chú ý có chủ định.

- Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái (yêu quê hương) thông qua việc hiểu ý nghĩa câu Quê hương tươi đẹp.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu để minh họa chữ mẫu, ( bảng phụ viết mẫu yêu cầu bài tập viết).

- Bảng con, phấn.

*-* Vở *Luyện viết 1*, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **35’** | **1.HĐ Mở đầu****\* Giới thiệu bài**- GV đưa mẫu chữ in hoa P, Q- Nhận xét.- GV dẫn dắt giới thiệu vào bài**2.HĐ Luyện tập thực hành*****2.1. Tô chữ viết hoa P, Q***- Treo mẫu chữ viết hoa P,Q, hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô (vừa mô tả vừa cầm que chỉ vào từng nét).\* Tô chữ hoa P.- Yêu cầu học sinh quan sát.- Chữ P hoa gồm có những nét cơ bản nào?-Giáo viên viết chữ P hoa lên bảng và nêu quy trình: + Nét 1: Nét 1 là nét cong ngược trái. Đặt bút trên đường kẻ 6, tô từ trên xuống dưới, đầu móc vào phía trong. + Nét 2: Nét 2 là nét cong kín (giống chữ O), đặt bút từ đường kẻ 5, tô theo đường cong vòng lên, cuối nét lượn vào trong , dừng bút gần đường kẻ 5.- Giáo viên nhắc lại 1 – 2 lần, kết hợp với tô mẫu để học sinh ghi nhớ.\* Tô chữ hoa Q- Yêu cầu học sinh quan sát.- Chữ hoa Q gần giống chữ nào đã học?- Giáo viên viết chữ Q hoa lên bảng và nêu quy trình: + Nét 1: Nét 1 là nét cong kín (giống chữ O). Đặt bút trên đường kẻ 6, đưa bút sang trái để tô nét cong, phần cuối nét lượn vào trong bụng chữ đến ĐK 4 thì cong lên một chút rồi dừng bút.  + Nét 2: Nét 2 là nét lượn ngang, đặt bút gần ĐK 2 tô nét lượn ngang từ trong lòng chữa ra ngoài, dừng bút trên ĐK 2.- Giáo viên nhắc lại 1 – 2 lần, kết hợp với tô mẫu để học sinh ghi nhớ.- GV theo dõi giúp đỡ HS.***2.1. Viết từ ngữ, câu ứng dụng (cỡ nhỏ)*****-** GV chiếu các từ ngữ, câu ứng dụng cần đọc lên màn hình (hoặc bảng phụ đã viết sẵn các từ ngữ, câu ứng dụng cần đọc và viết): cá heo, vun vút; Quê hương em tươi đẹp.- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ và khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét từ chữ viết hoa Q sang cữa viết thường, vị trí đặt dấu thanh.- GV cho HS viết bảng con- Nhận xét- Cho HS viết vào vở *Luyện viết 1*, tập 2.- GV lệnh cho học sinh sửa tư thế ngồi, cách cầm bút .- GV theo dõi, hỗ trợ HS- Nhận xét bài vài HS- Chiếu vài bài của hs lên cho hs quan sát, nhận xét bài bạn viết.( có thể cho hs quan sát một số bài )viết đẹp- Nhận xét, khen ngợi và động viên HS.**3.** HĐ **Củng cố và nối tiếp**- GV nhận xét tiết học, khen học sinh viết đẹp.- Nhắc nhở hs luyện viết thêm ở nhà.- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Trưng bày “*Quà tặng ý nghĩa*” (làm cho sản phẩm đẹp hơn, lời giới thiệu ấn tượng hơn). | - HS quan sát và nhận biết đó là mẫu chữ in hoa P, Q- Chú ý lắng nghe- Học sinh quan sát và chỉ tay theo- Học sinh quan sát- Chữ P gồm có hai nét : nét 1 giống nét 1 của chữ B, nét 2 là nét cong trên có hai đầu uốn vào trong không đều nhau. - HS lắng nghe và chỉ tay theo- Lắng nghe- HS tô chữ hoa P cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở *Luyện viết 1*, tập 2.- Học sinh quan sát- Giống chữ O đã học - HS lắng nghe và chỉ tay theo- Lắng nghe- HS tô chữ hoa Q cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở *Luyện viết 1*, tập 2.- Quan sát và đọc theo: cá nhân, nhóm, đồng thanh.- HS theo dõi và nhận xét.- HS quan sát viết bảng con- Cho HS viết vào vở *Luyện viết 1*, tập 2.- Chuẩn bị tư thế ngồi viết, cầm bút viết bài- Theo dõi- Lắng nghe và thực hiện |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**----------------------------------------------**

**Tiếng Việt: HOA KẾT TRÁI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Qua bài học, học sinh được hình thành những Năng lực và Phẩm chất sau:

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng, tốc độ đọc 60 tiếng/ phút. Biết nghỉ hơi hợp lí sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung câu chuyện: Mỗi loài hoa đều có màu sắc, vẻ đẹp riêng, đều kết quả ngọt lành tặng con người. Các bạn nhỏ cần yêu quý hoa, đừng hái hoa tươi để hoa đơm bông kết trái.

 **2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

 **-** Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ các loài cây thể hiện qua việc không hái hoa tươi để hoa đơm bông kết trái.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Tranh minh họa bài tập đọc, bảng phụ viết nội dung bài học, bài Tập đọc. Một số loại hoa

 **HS:** VBT Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **35/ 1T** | **1. HĐ Mở đầu*****\* Cả lớp hát bài Quả*** (Nhạc và lời: Xanh Xanh)**2.HĐ Hình thành kiến thức** **Hoạt động 1: Giới thiệu bài**- GV treo tranh và hỏi nội dung tranh- GV viết tên bài: *Hoa kết trái***Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập****Mục tiêu:** Đọc đúng, rõ ràng, đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng, tốc độ đọc 60 tiếng/ phút.. Biết nghỉ hơi hợp lí sau các dấu câu. Hiểu các từ ngữ trong bài. Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc. Hiểu nội dung câu chuyện.***2.1. Hướng dẫn HS luyện đọc****a) GV đọc mẫu:* giọng vui, sôi nổi, tình cảm. Nhấn giọng (tự nhiên, biểu cảm), các từ ngữ nói về đặc điểm của mỗi loài hoa: tim tím, vàng vàng, chói chang, đỏ, nho nhỏ, xinh xinh, trắng tinh, rung rinh.*b) Luyện đọc từ ngữ*- GV chỉ từng từ ngữ cho HS đọc: *kết trái, tim tím, hoa mướp, hoa lựu, chói chang, đốm lửa, hoa vừng, xinh xinh, trắng tinh, rung rinh, hoa tươi,*...- GV hỏi *kết trái* là như thế nào?- Giải nghĩa từ: *kết trái* (hình thành trái, quả từ hoa). - GV giới thiệu một vài bông hoa mang đến lớp (nếu có) - hoa cà, hoa lựu, hoa vừng, hoa đỗ.*c) Luyện dọc dòng thơ*- GV cùng HS đếm số dòng trong bài: Bài đọc có 12 dòng thơ.- GV cho HS đọc nối tiếp từng dòng lần 1: Đọc tiếp nối hai dòng thơ một (cá nhân, từng cặp). - GV hướng dẫn HS đọc ngắt nhịp nhanh giữa các từ ngữ trong dòng thơ: + GV đọc mẫu *Hoa cà / tim tím – Hoa mướp / vàng vàng - Hoa lựu/ chói chang.* Đọc liền hơi các dòng thơ: *Đỏ như đốm lửa - Rung rinh trong gió – Này các bạn nhỏ – Đừng hái hoa tươi – Hoa yêu mọi người – Nên hoa kết trái..*- Cho HS đọc tiếp nối hai dòng thơ trong nhóm đôi- GV theo dõi, giúp đỡ HS.**\*** GV cho học sinh hát vận động theo nhạc.d) *Thi đọc đoạn, bài*\* Tổ chức cho HS đọc đoạn của bài:- GV chia câu và hướng dẫn HS đọc bài theo 2 đoạn (8 dòng / 4 dòng) \* Tổ chức cho HS đọc cả bài- Tổ chức cho HS thi đọc mỗi nhóm đồng thanh đọc một đoạn.- Hỏi: Nhóm nào đọc đúng - Thế nào là đọc tốt- GV nhận xét- Tổ chức cả lớp đọc đồng thanh toàn bài.***2.2. Tìm hiểu bài đọc***- GV gọi 3 HS tiếp nối đọc trước lớp 3 BT.BT 1- GV chỉ từng vế câu ở mỗi bên cho cả lớp đọc.- GV gọi 1 HS báo cáo kết quả - Cả lớp đọc lại.BT 2- 1 HS đọc mẫu.- GV chỉ M, giải thích: Mỗi loài hoa trong bài đều cho một thứ quả hoặc hạt. VD: Hoa vừng cho hạt vừng. Từ hạt vừng có thể làm dầu vừng và làm kẹo vừng, mè xửng là những loại kẹo rất thơm ngon. Còn những loài hoa khác thì sao?- HS trao đổi, nói kết quả. GV nhận xét hoặc bổ sung. VD: + Hoa cà kết thành quả cà. Quả cà dùng để làm món nấu, món xào hoặc đem muối, làm món cà muối.+ Hoa mướp kết thành quả mướp có thể xào, nấu canh. + Hoa lựu kết thành quả lựu, ăn vừa ngọt vừa rộn rốt chua.+ Hoa đỗ kết thành quả đỗ. Quả đỗ có thể luộc hoặc xào. Nếu để già, có thể bóc vỏ lấy hạt. Hạt đỗ xanh dùng để nấu chè hoặc làm các loại bánh đậu xanh, bánh chưng / bánh tét, bánh nếp), nấu xôi,...+ Hoa mận kết thành quả mận, Quả mận tươi ngon có thể ăn ngay hoặc dùng làm mứt mận, ô mai mận,...d) BT 3- GV: *Bài thơ khuyên các bạn nhỏ điều gì*? - GV chốt ý: Bài thơ ca ngợi mỗi loài hoa đều có màu sắc, vẻ đẹp riêng đều kết quả ngọt lành tặng cho con người. Các bạn nhỏ cần yêu quý, bảo vệ hoa, đừng hái hoa để hoa đơm bông kết trái.***2.3. Luyện đọc lại***- Tổ chức cho HS thi đọc bài thơ trước lớp. - Cả lớp và GV bình chọn bạn đọc hay: đọc đúng từ, câu, rõ ràng, biểu cảm.- Nhận xét, tuyên dương.**3. HĐ Vận dụng, trải nghiệm**Rèn tự đọc sách, báo…**4. HĐ Củng cố và nối tiếp**- GV mời cảlớp đọc lại bài - Nhận xét giờ học- GV dặn HS về nhà đọc bài thơ cho người thân nghe, hỏi người thân những loại hoa nào kết thành quả, quả nào ăn được. - Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Trưng bày “Quà tặng ý nghĩa”; chuẩn bị cho tiết kể chuyện *Cuộc phiêu lưu của giọt nước tí hon.* | - Cả lớp hát- HS quan sát và trả lời- Vài HS nhắc lại tên bài- Lắng nghe - chỉ tay đọc thầm theo- HS đọc cá nhân, cả lớp.- Trả lời: hình thành trái, quả từ hoa- Chú ý lắng nghe và ghi nhớ- Theo dõi- HS đếm số dòng trong bài: Bài đọc có 12 dòng thơ.- Đọc nối tiếp (cá nhân, nhóm).- Chú ý theo dõi và thực hiện theo hướng dẫn.- 2 – 3 HS đọc – cả lớp- HS đọc tiếp nối hai dòng thơ trong nhóm đôi.- HS hát vận động theo nhạc.- Đọc từng đoạn theo hình thức đọc nối tiếp: cá nhân, nhóm đôi đọc to trước lớp.- HS đọc nhóm theo hình thức đọc nối tiếp, mỗi bạn một đoạn- Trả lời: + Nhóm đọc đúng không vấp, rõ ràng là ….+ Đọc tốt là đọc to, rõ ràng không quá chậm, không quá nhanh, biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.- Chú ý lắng nghe- Đọc đồng thanh- 3 HS tiếp nối đọc trước lớp 3 BT.- HS thực hiện- 1 HS báo cáo kết quả (đọc từng câu thơ).- Cả lớp đọc lại: a) Hoa cà - 3) tim tím. b) Hoa mướp - 1) vàng vàng. c) Hoa lựu - 4) đỏ như đốm lửa. d) Hoa mận - 2) trắng tinh.- HS đọc- Chú ý lắng nghe- HS trả lời- HS thực hiện theo yêu cầu- Theo dõi và ghi nhớ- HS trả lời theo suy nghĩ: Bài thơ khuyên các bạn nhỏ đừng hái hoa tươi để hoa kết trái. - Theo dõi và ghi nhớ- HS thi đọc nối tiếp 2 đoạn – mỗi HS đọc 1 đoạn.- 2 nhóm thi đọc cả bài (mỗi nhóm 4 bạn), nhóm khác nhận xét. - Đọc đồng thanh- Lắng nghe- Lắng nghe và thực hiện |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**-----------------------------------------------**

**TOÁN: ĐỒNG HỒ - THỜI GIAN (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với mặt đồng hồ, biết xem giờ đúng, có nhận biết ban đầu về thời gian.

- Biết xác định và quay kim đồng hồ đúng vị trí tương ứng với giờ; bước đầu nhận biết các thời điểm trong sinh hoạt hằng ngày.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị một đồng hồ giấy có thể quay được kim dài và kim ngắn. Mỗi nhóm HS mang đến một đồng hồ có kim dài và kim ngắn.

- Phiếu bài tập, tranh tình huống như trong SGK.

- Các phiếu BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY** **HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1. Mở đầu**Giới thiệu bài và ghi đề bài**2. Luyện tập thực hành****Bài 3.** **a) Đặt kim ngắn vào mỗi đồng hồ cho thích hợp.****b) Kể chuyện theo các tranh trên**- GV cho HS làm bài cá nhân - GV theo dõi giúp đỡ HS làm còn chậm- GV nhận xét chốt kết quả**Bài 2.** **Bạn Châu đi từ thành phố về quê. Đặt kim ngắn vào mỗi đồng hồ cho thích hợp.**- GV cho HS làm nhóm đôi- GV nhận xét chốt ý**3. Củng cố và nối tiếp**- GV chốt ý bài học- Chuẩn bị bài sau - Nhận xét tiết học | - HS hát- HS nhắc lại- HS làm cá nhân.- HS nhận xét- HS quan sát GV làm mẫu:- HS làm phiếu nhóm đôi- Đại diện trình bày |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................-----------------------------------------

**Thứ Năm ngày 24 tháng 4 năm 2025**

**TIẾNG VIỆT: TẬP VIẾT: TÔ CHỮ HOA R, S**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Qua bài học, học sinh được hình thành những Năng lực và Phẩm chất sau:

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Biết tô các chữ viết hoa R, S theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ, câu ứng dụng (*trắng tinh, cánh diều; Rừng cây rộn rã tiếng chim*) kiểu chữ thường, cỡ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đều nét; đặt dâu thanh đúng vị trí.

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển ngôn ngữ. Khả năng quan sát, chú ý có chủ định.

- Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái (yêu thiên nhiên) thông qua việc hiểu ý nghĩa câu *Rừng cây rộn rã tiếng chim.*

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu để minh họa chữ mẫu, (bảng phụ viết chữ mẫu P, Q, yêu cầu bài tập viết).

- Bảng con, phấn.

*-* Vở *Luyện viết 1*, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **35’** | **1.HĐ Mở đầu**- GV mở nhạc cho HS hát múa và vận động theo nhạc.**\* Giới thiệu bài**- GV chiếu lên bảng chữ in hoa R, S. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa R, S.- GV: SGK đã giới thiệu mẫu chữ R, S in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tổ chữ viết hoa R, S; luyện viết các từ, câu ứng dụng cỡ chữ nhỏ.- GV ghi tên bài**2.HĐ Luyện tập thực hành*****2.1. Tô chữ viết hoa R, S***- Treo mẫu chữ viết hoa P,Q, hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô (vừa mô tả vừa cầm que chỉ vào từng nét).\* Tô chữ hoa R.- Yêu cầu học sinh quan sát.- Chữ R hoa gồm có những nét cơ bản nào?- Giáo viên tô chữ R hoa lên bảng và nêu quy trình: Chữ R viết hoa gồm 2 nét. + Nét 1 là nét móc ngược trái. Đặt bút trên ĐK 6, tô từ trên xuống dưới, phần cong cuối nét lượn vào trong, dừng bút trên ĐK 2. + Nét 2 bắt đầu từ ĐK 5, tô theo đường cong trên, cuối nét lượn vào giữa thân chữ tạo vòng xoắn nhỏ rồi tô tiếp nét móc ngược phải, dừng bút trên ĐK 2.- Giáo viên nhắc lại 1 – 2 lần, kết hợp với tô mẫu để học sinh ghi nhớ.\* Tô chữ hoa S- Yêu cầu học sinh quan sát.- Giáo viên tô chữ S hoa lên bảng và nêu quy trình: Chữ S viết hoa tô liền 1 nét. Đặt bút trên ĐK 6, tô nét cong xuống dưới rồi lại lượn lên đến ĐK 6, chuyển hướng bút tô tiếp nét móc ngược trái, tạo vòng xoắn to phía dưới, cuối nét móc lượn vào trong, dừng bút trên ĐK 2.- Giáo viên nhắc lại 1 – 2 lần, kết hợp với tô mẫu để học sinh ghi nhớ.- GV theo dõi giúp đỡ HS.***2.1. Viết từ ngữ, câu ứng dụng (cỡ nhỏ)*****-** GV chiếu các từ ngữ, câu ứng dụng cần đọc lên màn hình (hoặc bảng phụ đã viết sẵn các từ ngữ, câu ứng dụng cần đọc và viết): *trắng tinh, cánh diều, Rừng cây rộn rã tiếng chim*.- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét từ R sang tư, vị trí đặt dấu thanh.- GV cho HS viết bảng con- Nhận xét- Cho HS viết vào vở *Luyện viết 1*, tập 2.- GV lệnh cho học sinh sửa tư thế ngồi, cách cầm bút .- GV theo dõi, hỗ trợ HS- Nhận xét bài vài HS- Chiếu vài bài của hs lên cho hs quan sát, nhận xét bài bạn viết. (có thể cho hs quan sát một số bài ) viết đẹp.- Nhận xét, khen ngợi và động viên HS.**3.** HĐ **Củng cố và nối tiếp**- GV nhận xét tiết học, khen học sinh viết đẹp.- Nhắc nhở hs luyện viết thêm ở nhà.- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo. | - HS hát múa và vận động theo nhạc- HS quan sát và nhận biết đó là mẫu chữ in hoa P, Q- Chú ý lắng nghe- HS nhắc lại- Học sinh quan sát và chỉ tay theo- Học sinh quan sát- Chữ R gồm có hai nét - HS lắng nghe và chỉ tay theo- Lắng nghe- HS tô chữ hoa R cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở *Luyện viết 1*, tập hai.- Học sinh quan sát- HS lắng nghe và chỉ tay theo- Lắng nghe- HS tô chữ hoa S cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở *Luyện viết 1*, tập hai..- HS đọc từ ngữ, câu: *trắng tinh, cánh diều, Rừng cây rộn rã tiếng chim*.- HS theo dõi và nhận xét.- HS quan sát viết bảng con- Cho HS viết vào vở *Luyện viết 1*, tập hai.- Chuẩn bị tư thế ngồi viết, cầm bút viết bài- Theo dõi- Lắng nghe và thực hiện |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**----------------------------------------------**

 **Thứ Năm ngày 24 tháng 4 năm 2025**

**TIẾNG VIỆT: GÓC SÁNG TẠO “QUÀ TẶNG Ý NGHĨA”**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Chuẩn bị được món quà ý nghĩa tặng thầy cô hoặc 1 bạn trong lớp: Đó là 1 tấm ảnh, bức tranh thầy cô hoặc 1 người bạn do HS tự vẽ. Tranh, ảnh được trang trí, tổ màu. Viết được lời giới thiệu thể hiện tình cảm với người trong tranh, ảnh.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

GV: Một số sản phẩm của HS các năm học trước do GV sưu tầm những mẩu giấy cắt hình chữ nhật có dòng kẻ ô li để phát cho HS viết và đính vào sản phẩm; các viên nam châm, kẹp hoặc ghim, băng dính.

HS: Tranh, ảnh thầy cô, bạn bè HS sưu tầm hoặc tự vẽ; giấy màu, giây trắng, hoa lá để cắt dán trang trí, bút chì màu, bút dạ, kéo, keo dán,...; Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **35’** | **1.HĐ Mở đầu**GV tổ chức trò chơi**2. Hình thành kiến thức**a) Chia sẻ: GV hướng dẫn HS quan sát các tranh minh hoạ (BT 1)b) Giới thiệu bài- Trong tiết học hôm nay, mỗi em sẽ làm một món quà để tặng thầy, cô giáo hoặc tặng một bạn. Để món quà có ý nghĩa, các em cần:+ Chọn ảnh của người đó hoặc vẽ người đó bằng tất cả tấm lòng yêu mến. Sau đó, trình bày, trang trí tranh, ảnh.+ Viết vài lời giới thiệu về người đó. Lời giới thiệu cần thể hiện được tình cảm của các em.- Những quà tặng này sẽ được trưng bày trong tiết học tới. Sau đó, được tặng cho thầy cô, bạn bè. Các em hãy thi đua xem quà của ai có ý nghĩa, làm cho người nhận quà vui mừng, cảm động.- GV giới thiệu một vài quà tặng của HS năm trước (nếu có) để lớp tham khảo.Hoạt động 1: Khám phá- GV mời 2 HS (đóng vai bạn nam, bạn nữ) đọc lời trao đổi của 2 HS trong SGK.**3. Luyện tập thực hành**3.1. Chuẩn bị GV phát cho HS những mẩu giấy trắng có dòng kẻ ô li, cắt hình trái tim hoặc hình chữ nhật để sau đó HS viết rồi đính vào vị trí phù hợp trên sản phẩm.3.2. Làm sản phẩm3.3. Trao đổi sản phẩm với các bạn trong nhóm- GV đính lên bảng lớp 4 - 5 sản phẩm đẹp; mời HS giới thiệu. Có thể phóng to sản phẩm trên màn hình cho cả lớp nhận xét: sản phẩm nào có tranh, ảnh đẹp, trang trí, tô màu đẹp; lời giới thiệu hay.\* GV cần động viên để tất cả HS đều làm việc; mạnh dạn thể hiện mình. Chấp nhận nếu HS viết sai chính tả, viết thiếu dấu câu. Không đòi hỏi chữ viết phải đẹp.**\*. Củng cố và nối tiếp**- GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt BT sáng tạo.- Dặn HS hoàn thiện quà tặng trước khi trưng bày, trao tặng.**–** Nhận xét tiết học | - HS nhận biết đó là tranh, ảnh thầy, cô giáo, các bạn HS. Cần làm quà tặng thể hiện tình cảm với thầy cô, các bạn.Cả lớp nhìn SGK, nghe 3 bạn tiếp nối nhau đọc 3 YC trong SGK:- HS 1 đọc YC của BT 1.- HS 2 đọc YC của BT 2; đọc các lời giới thiệu bên tranh, ảnh.- HS 3 đọc YC của BT 3.- HS bày lên bàn ĐDHT; tranh, ảnh thầy cô hoặc bạn các em sưu tầm hoặc tự vẽ. GV nhận xét: Bao nhiêu HS mang ảnh, bao nhiêu HS vẽ tranh, HS nào chuẩn bị ĐDHT cẩn thận, chu đáo (Những HS chưa có tranh, ảnh sẽ vẽ nhanh thầy, cô hoặc một bạn vào giấy hoặc VBT).- HS mở VBT, GV hướng dẫn cách sử dụng trang vở (như các tiết trước). HS nào chưa chuẩn bị giấy, có thể làm bài vào VBT.- HS dán tranh, ảnh vào giấy trắng / giấy màu, hoặc dán vào giữa bông hoa giấy, trang trí, tô màu cho đẹp, vẽ thêm hoa lá,... (Những HS chưa có sản phẩm sẽ về nhanh thầy, cô, hoặc bạn).- Viết lời giới thiệu những nét nổi bật, đáng quý của người trong tranh, ảnh. GV khuyến khích HS viết 3 – 5 câu. Nhắc HS ghi tên mình dưới sản phẩm, giữ bí mật món quà (để trống tên người được tặng quà với quà là tranh vẽ) để bảo đảm tính bất ngờ.- HS dán tranh, ảnh vào giấy trắng / giấy màu, hoặc dán vào giữa bông hoa giấy, trang trí, tô màu cho đẹp, vẽ thêm hoa lá,... (Những HS chưa có sản phẩm sẽ về nhanh thầy, cô, hoặc bạn). |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**----------------------------------------------**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI:**

**BẦU TRỜI BAN NGÀY, BAN ĐÊM (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, HS đạt được:

*\* Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được những gì thường thấy trên bầu trời ban ngày và ban đêm.

- So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm, bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau (nhìn thấy hay không nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao).

- Nêu được ví dụ về vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng).

 \* *Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh.*

Biết cách quan sát, đặt câu hỏi và mô tả, nhận xét được về bầu trời ban ngày và ban đêm khi quan sát tranh ảnh, video hoặc quan sát thực tế. \* *Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

 Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- Các hình ở Bài 20 trong SGK.

 - VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

 - Một số tranh ảnh hoặc video clip về bầu trời ban ngày và ban đêm (để trình bày chung cả lớp).

**III .CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **35’** | **1.HĐ Mở đầu**GV giới thiệu bài và ghi đề bài**2. HĐ Hình thành kiến thức****a) Bầu trời ban ngày** ***Hoạt động 1: Tìm hiểu về bầu trời ban ngày***- HS thảo luận nhóm đôi nói về những gì quan sát thấy trong hình 1 trang 130 (SGK)- HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:Vào ban ngày em nhìn thấy gì trên bầu trời?+ HS có thể dựa vào kinh nghiệm của các em và hình 1 trang 130 (SGK) để trảlời câu hỏi,  + GV yêu cầu một số HS nêu ý kiến trước lớp. Các em có thể nêu: Vào ban ngày, có thể nhìn thấy mấy, Mặt Trời, chim bay, máy bay,... GV có thể mở rộng: Hỏi thêm HS về lúc Mặt Trời mọc và Mặt Trời lặn gọi là gì? GV có thể cho HS xem một số tranh ảnh về bầu trời ban ngày (bầu trời lúc bình minh, hoàng hôn, khói trên bầu trời,...). GV giúp HS biết những gì trên bầu trời là tự nhiên, những gì là do con người tạo ra (ví dụ máy bay, diểu, khói từ nhà máy bốc lên,...). - GV nêu câu hỏi: Vật nào đã chiếu sáng Trái Đất, giúp bạn ngày chúng ta nhìn thấy được mọi vật? + HS có thể trả lời: Mặt Trời. - HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: Con người đã sử dụng ánh sáng và sức nóng của Mặt Trời để làm gì? + GV có thể nêu câu hỏi gợi ý cho HS qua quan sát hình 1 trang 130 (SGK): Người lớn trong hình đang làm gì? Nhằm mục đích gì? Bạn nhỏ trong hình đang làm gì? Nhờ vật nào chiếu sáng giúp bạn nhỏ đọc được sách? + HS có thể nêu được - ví dụ: Người lớn đang phơi thóc, phơi quần áo nhờ Mặt Trời làm khô. + HS kết hợp với quan sát thực tế kể thêm một số hoạt động chúng ta thường làm vào ban ngày. + Các em có thể nếu các hoạt động như học tập, vui chơi, đi lại, xây dựng, đánh bắt cá,...**b) Bầu trời ban đêm*****Hoạt động 2: Tìm hiểu về bầu trời ban đêm***- HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát hình 2 trang 131 (SGK) và trao đổi: Hình vẽ thể hiện ban ngày hay ban đêm? Em nhìn thấy những gì trên bầu trời và cảnh vật xung quanh? Hình 2 có gì khác so với hình 1? - Một số HS trả lời trước lớp. GV có thể hỏi các em về lí do mà theo các em dẫn tới sự khác nhau giữa hình 2 và hình 1. - HS thảo luận nhóm, trao đổi về những gì các em thường thấy trên bầu trời vào ban đêm. Sau đó một số nhóm báo cáo kết - GV có thể hỏi thêm: Ban đêm, cần làm gì để có thể nhìn thấy các vật xung quanh? + HS có thể nếu được cần được chiếu sáng bằng đèn điện, nến, đèn pin,... + Vào hôm trăng sáng, ánh sáng phản chiếu từ Mặt Trăng cũng giúp nhìn thấy các vật. - GV cho các em tự đọc phần kiến thức chủ yếu ở trang 131 (SGK). **3. HĐ Luyện tập thực hành****Hoạt động 3: Thảo luận về bầu trời đêm vào các ngày khác nhau** - GV cho HS làm việc theo nhóm đối quan sát hình và nhận xét bầu trời ban đêm trong các hình ; sau đó thảo luận câu hỏi: Bầu trời vào các đêm khác nhau có khác nhau không? Bạn thích bầu trời đêm như thế nào nhất? - HS dựa vào kinh nghiệm và các hình ở trang 132 (SGK) để trả lời, các em có thể nêu: bầu trời vào các đêm khác nhau có thể khác nhau. Ví dụ có hôm nhìn thấy sao, có hôm không, nhìn thấy Mặt Trăng cũng khác nhau (khuyết, tròn,...). - GV yêu cầu một số HS trả lời trước lớp. ***Hoạt động 4: Hát những bài hát về Mặt Trời, Mặt Trăng hoặc các vì sao*** - GV có thể cho cả lớp (chia làm hai nhóm) chơi ; hoặc có thể cho một số HS xung phong tham gia chơi. GV cho các em tự đọc phần “Em có biết? ” ở cuối trang 132 (SGK). - GV cũng có thể hỏi mở rộng thêm (không bắt buộc): Các em có biết vật nào gần / xa mặt đất nhất trong các vật: chim bay, các đám mây, Mặt Trời hay không?**4. HĐ Củng cố và nối tiếp**Cần thực hiện tốt theo như nội dung bài học-Nhận xét tiết học | - HS nhắc lại- HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi- HS đại diện nhận xét- HS chia sẻ- HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi- HS đại diện nhận xét- HS chia sẻ- HS đọc- HS thảo luận nhóm - HS đại diện nhận xét- HS chia sẻ- HS thi hát với nhau- HS nhận xét |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**----------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thứ Năm ngày 24 tháng 4 năm 2025**

**KỂ CHUYỆN**

**CUỘC PHIÊU LƯU CỦA GIỌT NƯỚC TÍ HON**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Qua bài học, học sinh được hình thành những Năng lực và Phẩm chất sau:

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nghe hiểu câu chuyện *Cuộc phiêu lưu của giọt nước ti hon.*

- Nhìn tranh, kể từng đoạn, toàn bộ câu chuyện, bước đầu thể hiện được cảm xúc của

- Nhìn tranh, kể từng đoạn, toàn bộ câu chuyện, bước đầu thể hiện được cảm xúc của giọt nước tí hon qua từng đoạn.

- Hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện: Giọt nước tí hon thực hiện một chuyến phiêu lưu, đi thăm đất liền đẹp đẽ, nhưng vừa đi nó đã nhớ mẹ biển, tìm mọi cách để sớm được trở về với mẹ.

 **2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

 **-** Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Máy chiếu / 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

 Sơ đồ nhân vật và sự việc gắn với diễn biến câu chuyện.

 HS: SGK

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của h sinh** |
| **35’** | **1. HĐ Mở đầu*****1.1.*** HS hát một bài về mẹ hoặc về gia đình. - GV bắt nhịp cả lớp cùng hát bài: *Ba ngọn nến lung linh* (Nhạc và lời: Ngọc Lễ). - GV gắn lên bảng tranh minh hoạ chuyện Đi tìm vần “êm”, mời 2 HS nhìn tranh, kể lại câu chuyện: mỗi HS kể theo 3 tranh.**2. HĐ Luyện tập, thực hành****Hoạt động 1: *Giới thiệu câu chuyện***- GV dẫn dắt: Gia đình thật đầm ấm, thân thương, ai đi xa cũng nhớ. Câu chuyện hôm nay kể về cuộc phiêu lưu của một giọt nước tí hon. Giọt nước tí hon là con của mẹ biển xanh. Cuộc phiêu lưu diễn ra rất tốt đẹp, vậy mà giọt nước không thể tiếp tục vì nó rất nhớ mẹ. Câu chuyện kết thúc thế nào, các em hãy nghe.- GV viết tên bài: *Cuộc phiêu lưu của giọt nước ti hon.***Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập****Mục tiêu:** Nghe hiểu câu chuyện *Cuộc phiêu lưu của giọt nước ti hon.* Nhìn tranh, kể từng đoạn, toàn bộ câu chuyện, bước đầu thể hiện được cảm xúc của giọt nước tí hon qua từng đoạn. Hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện.***2.1. Nghe kể chuyện***- GV kể chuyện 3 lần, giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Sử dụng ngữ điệu kế linh hoạt gắn với nội dung từng đoạn (nhanh, chậm, cao, thấp,...); kết hợp lời kể với mô tả hành động VD: *giọt nước bám vào sợi dây... - vụt bay lên cao - ngồi trên mây*... để HS nhớ hành động của nhân vật. Nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, thu hút sự chú ý và tạo hứng thú cho HS.- Kể xong lần 1, GV hỏi: *Truyện có những nhân vật nào?**-* GV giới thiệu sơ đồ nhân vật trên bảng:1) Giọt nước tí hon làm gì? 2) Ai giúp giọt nước trở về? 3) Câu chuyện kết thúc thế nào? - GV nhận xét, chốt ý- GV kể lần 2: Kể rõ ràng, rành rẽ từng câu, từng đoạn theo nội dung mỗi tranh. + Kể lần 2, kết hợp giải nghĩa từ: Phiêu lưu nghĩa là gì?(làm theo ý thích một điều gì đó có phần nguy hiểm, chưa suy nghĩ kĩ). - GV kể lần 3 (kết hợp chỉ tranh)- Nhận xét, tuyên dương.***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh******GV treo (trình chiếu) tranh cho HS quan sát***- GV chỉ tranh 1: *Giọt nước tí hon là con của ai*? + Nhận xét và chốt ý: Giọt nước tí hon là con của mẹ biển xanh bao la- GV chỉ tranh 2: + *Vì sao giọt nước theo thuyền đi vào đất liền*? + Nhận xét và chốt ý: Giọt nước theo thuyền vào đất liền vì muốn biết đất liền như thế nào. + *Nó làm thế nào để đi theo thuyền* ?+ Nhận xét và chốt ý: Nó bám vào sợi dây tết bằng những tia trên mây theo thuyền đi vào đất liền.- GV chỉ tranh 3: *+ Đất liền rất đẹp, có bánh ngọt, hoa thơm nhưng vì sao giọt nước đó nước lại khóc*? (Đất liền rất đẹp, có nhiều của lạ nhưng giọt nước vẫn khóc vì nó nhớ mę).- GV chỉ tranh 4: *+ Ông sấm muốn giúp giọt nước, bảo nó phải làm gì*? (Ông sấm muốn giúp giọt nước, bảo nó khi nào nghe ông rền vang thì hãy nhảy ngay xuống đất).*+ Vì sao khi đã xuống đất, giọt nước vẫn khóc?* (Dù đã nhảy xuống đất, giọt nước vẫn khóc vì nó không thấy mẹ).- GV chỉ tranh 5: *+ Chị suối, bà sông giúp giọt nước như thế nào để đưa nó về với mẹ?* (Chị suối đưa giọt nước ra sông. Bà sông dắt nó qua bao làng mạc, núi đồi về với mẹ biển xanh).- GV chỉ tranh 6: *+ Hai mẹ con giọt nước gặp nhau như thế nào*? (Gặp mẹ, giọt nước vui sướng ào vào lòng mẹ. Mẹ âu yếm ôm nó vào lòng, cất tiếng hát ru trầm bổng).- GV nhận xét tuyên dương HS trả lời tốt.**2.3. Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi) a) Mỗi HS nhìn 2 - 3 tranh, tự kể chuyện. b) 2 hoặc 3 HS nhìn 6 tranh, tự kể chuyện. \* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện (YC không bắt buộc).**2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**- GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?- GV: Giọt nước bay lên từ biển. Dù đi đâu nó cũng nhớ mẹ biển, tìm mọi cách để sớm được trở về với mẹ. Câu chuyện nói về tình cảm của giọt nước, của những đứa con với mẹ, với gia đình.- Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện.  **3. HĐ Vận dụng, trải nghiệm** Kể lại câu chuyện cho người thân nghe**\*. HĐ Củng cố và nối tiếp**- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC *Hai tiếng kì lạ (*xem tranh minh hoạ, đọc lời dưới tranh); chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách bảo (Tìm và mang đến lớp 1 tờ báo thiếu nhi để giới thiệu, đọc cho các bạn nghe). | - Cả lớp hát- Chú ý lắng nghe- Vài HS nhắc lại tên bài- Lắng nghe - 2 -3 HS: Truyện có các nhân vật: giọt nước tí hon, ông sấm, chị suối, bà sông, mẹ biển.- HS trả lời: **Giọt nước** bay lên từ nước biển-> theo thuyền đi vào đất liền, -> nhớ mẹ, khóc hu hu, - HS trả lời: **Ông sấm** rền vang, giọt nước nhảy xuống đất. **Chị suối** đưa nó ra sông. **Bà sông** dắt nó qua làng mạc, núi đồi, về biển. - HS trả lời: Giọt nước **vui sướng gặp lại** mẹ biển.**Mẹ âu yếm ôm nó vào lòng**. - HS chú ý lắng nghe và quan sát- Trả lời: Phiêu lưu là làm theo ý thích một điều gì đó có phần nguy hiểm, chưa suy nghĩ kĩ.- Theo dõi- Chú ý quan sát và trả lời- 2 HS: Giọt nước tí hon là con của mẹ biển xanh bao la- HS trả lời: Giọt nước theo thuyền vào đất liền vì muốn biết đất liền như thế nào.- HS: Nó bám vào sợi dây tết bằng những tia trên mây theo thuyền đi vào đất liền.- Vài HS trả lời: Đất liền rất đẹp, có nhiều của lạ nhưng giọt nước vẫn khóc vì nó nhớ mę- Trả lời: Ông sấm muốn giúp giọt nước, bảo nó khi nào nghe ông rền vang thì hãy nhảy ngay xuống đất- Trả lời: Dù đã nhảy xuống đất, giọt nước vẫn khóc vì nó không thấy mẹ- Chị suối đưa giọt nước ra sông. Bà sông dắt nó qua bao làng mạc, núi đồi về với mẹ biển xanh- Trả lời: Gặp mẹ, giọt nước vui sướng ào vào lòng mẹ. Mẹ âu yếm ôm nó vào lòng, cất tiếng hát ru trầm bổng- Chú ý lắng nghe- HS nhìn tranh và thực hiện trong nhóm- HS nhìn tranh và kể chuyện- HS phát biểu (VD: Giọt nước rất yêu mẹ biển. Đi xa, những đứa con luôn nhớ mẹ, muốn trở về nhà với mẹ...).- Chú ý lắng nghe- HS thực hiện theo yêu cầu |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**---------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Thứ Sáu ngày 25 tháng 4 năm 2025**

**TIẾNG VIỆT**

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO: ĐỌC BÁO (T1,2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Qua bài học, học sinh được hình thành những Năng lực và Phẩm chất sau:

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin một tờ báo thiếu nhi mang tới lớp (tên báo, ai mua hoặc cho mượn,...).

- Đọc cho các bạn nghe những nội dung của bài báo yêu thích.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- GV, HS sưu tầm, mang đến lớp một số tờ báo thiếu nhi có bài hay hoặc mới lạ (có thể cho HS mượn đọc tại lớp).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’/ 1T** | **1.HĐ Mở đầu Tiết 1****\* Giới thiệu bài**- GV nêu mục tiêu của tiết học.- GV ghi tên bài**2. HĐ Luyện tập thực hành*****2.1. Tìm hiểu yêu cầu của bài học*** - GV gọi 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 YC của bài học:- HS 1 đọc YC 1. + GV chỉ tên từng tờ báo thiếu nhi trong SGK - (Kiểm tra sự chuẩn bị) GV yêu cầu mỗi HS đặt trước mặt một tờ báo thiếu nhi các em mang đến lớp (hoặc mượn ở thư viện), nhắc HS chú ý trao đổi sách báo cho nhau. GV vẫn chấp nhận nếu có HS mang sách khác (thơ, truyện) không phải là báo.- HS 2 đọc YC 2. + GV mời một vài HS giới thiệu tờ báo mình đã mang tới lớp (Tên tờ báo. Lí do có tờ báo: Ai mua hoặc cho em mượn?). - HS 3 đọc YC 3. + GV giới thiệu bài *Ngỗng* (M): Đây là một bài rất bổ ích vì nó giúp các em hiểu thêm về một vật nuôi trong nhà - con ngỗng. Nếu không có sách báo mang đến lớp, các em có thể đọc bài này. (Nếu tất cả HS đều có sách báo mang đến lớp: Bài Ngỗng rất bổ ích. Vì vậy, cô (thầy) phân công 3 bạn đọc rồi đọc lại cho cả lớp nghe. Khi về nhà, các em nên đọc lại bài này).- HS 4 đọc YC 4. \* Thời gian dành cho hoạt động chuẩn bị khoảng 8, 9 phút.***2.2. Tự đọc báo Tiết 2***- GV bảo đảm yên tĩnh cho HS đọc; nhắc HS đọc kĩ một mẩu tin hoặc bài báo ngắn mình yêu thích để có thể tự tin, đọc to, rõ trước lớp. Với những HS không có báo, GV cho HS mượn báo hoặc YC các em đọc bài *Ngỗng* trong SGK.- GV đi tới từng bàn giúp HS chọn đoạn đọc. ***2.3. Đọc cho các bạn nghe*** (BT 4)- Lần lượt từng HS đứng trước lớp, đọc những tin tức hoặc nội dung một bài báo yêu thích (ưu tiên những HS đã đăng kí). HS đọc xong, các bạn có thể đặt câu hỏi để hỏi thêm.- Cả lớp bình chọn bạn đọc hay, cung cấp những tin tức, thông tin, mẩu chuyện thú vị, bổ ích.- Nhận xét, khen ngợi và động viên HS.**3.** HĐ **Củng cố và nối tiếp**- GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt bài học. Nhắc nhở những HS còn hạn chế về khả năng đọc, khả năng nói, diễn đạt trước lớp.- Dặn HS tiết Tự đọc sách báo tuần sau sẽ đọc sách ở thư viện. | - Chú ý lắng nghe- HS nhắc lại- 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 YC của bài học- HS đọc yêu cầu bài- Cả lớp đọc: *Chăm học, Măng non, Hoạ mi, Nhi đồng Những thử nghiệm khiếp vía), Cười vui (Phải tích cực tập bơi), Rùa vàng, Văn tuổi thơ, Khăn quàng đỏ.*- Thực hiện- HS đọc yêu cầu bài- Học sinh giới thiệu: VD: *Mực tím* là tờ báo dành cho tuổi học trò. Đây là tờ báo rất bổ ích với HS tiểu học. / Báo *Hoạ mi* dành cho HS lớp 1 và mẫu giáo. Tôi rất thích báo này vì báo có nhiều truyện tranh hay.- HS đọc yêu cầu bài- Lắng nghe và thực hiện- HS đọc yêu cầu bài- HS đọc bài cá nhân- HS thực hiện- Cả lớp bình chọn bạn đọc hay- Vỗ tay tuyên dương- Theo dõi- Lắng nghe và thực hiện |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................-------------------------------------------

**TOÁN**

**EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Làm quen với mặt đồng hồ, biết xem giờ đúng, có nhận biết ban đầu về thời gian.

- Biết xác định và quay kim đồng hồ đúng vị trí tương ứng với giờ; bước đầu nhận biết các thời điểm trong sinh hoạt hằng ngày.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị một đồng hồ giấy có thể quay được kim dài và kim ngắn. Mỗi nhóm HS mang đến một đồng hồ có kim dài và kim ngắn.

- Phiếu bài tập, tranh tình huống như trong SGK.

- Các phiếu BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY** **HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1. HĐ Mở đầu**Giới thiệu bài và ghi đề bài**2. HĐ Luyện tập thực hành****Bài 3** **a) Vẽ thêm kim ngắn vào mỗi đồng hồ cho thích hợp.****b) Kể chuyện theo các tranh trên**- GV cho HS làm bài cá nhân - GV theo dõi giúp đỡ HS làm còn chậm- GV nhận xét chốt kết quả**Bài 2** **Bạn Châu đi từ thành phố về quê. Vẽ thêm kim ngắn vào mỗi đồng hồ cho thích hợp.**- GV cho HS làm nhóm đôi- GV nhận xét chốt ý**3. HĐ Củng cố và nối tiếp**- GV chốt ý bài học- Chuẩn bị bài sau - Nhận xét tiết học | - HS hát- HS nhắc lại- HS làm cá nhân.- HS nhận xét- HS quan sát GV làm mẫu:- HS làm phiếu nhóm đôi- Đại diện trình bày |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**-----------------------------------------------------**

**GDTC: LÀM QUEN DẪN BÓN BẰNG LÒNG BÀN CHÂN**

 **VÀO CẦU MÔN(tt)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1.Về phẩm chất: Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Tích cực trong tập luyện TDTT và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, rèn luyện tư thế, tác phong và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện dẫn bóng bằng lòng bàn chân trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

2.2. Năng lực đặc thù:

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Biết cách thực hiện dẫn bóng bằng lòng bàn chân và tích cực tham gia tập luyện.

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được động tác dẫn bóng bằng lòng bàn chân.

**II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

**-** Địa điểm: Sân trường

- Phương tiện:

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, bóng mini, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian**  | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **6-10ph****18-22ph****4- 6ph** | **1. Phần mở đầu**Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học- Gv HD học sinh khởi động.**2. Phần cơ bản****\* Kiến thức.**- Động tác dẫn bóng bằng chân thuận.dẫn bóng bằng chân thuậnGV giới thiệu động tácGV thực hiện động tác mẫuGV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.- GV thổi còi cho HS tập.\***Luyện tập**- GV hô – HS tập theo Gv.- GV quan sát, sửa sai cho HS.- Yc Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.- GV tổ chức HS thi đua giữa các tổ.- GV nêu tên trò chơi: Ném vòng trúng đích.- Hướng dẫn cách chơi. **3. Hoạt động nối tiếp**- Nhắc lại cách chuyền bong bằng hai tay- Cho HS thả lỏng - Chuẩn bị bài sau. - Nhận xét tiết học | Đội hình nhận lớp Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. Đội hình HS quan sát tranh - Đội hình tập luyện đồng loạt. =- Từng tổ lên thi đua – trình diễn  ---------- ---------- HS chơi trò chơiHS thực hiện thả lỏng |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**---------------------------------------------**

**HĐTN: EM HỌC ĐƯỢC GÌ TỪ CHỦ ĐỀ: CHIA SẺ VÀ HỢP TÁC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết cùng nhau hợp tác trong các hoạt động hằng ngày ở trường, ở nơi công cộng.

- Biết thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê trong hoạt động cùng nhau.

**II. ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC**

- Một vài phương tiện cho hoạt động như: quảng cáo, rổ đựng bóng.

- Trang phục gọn gàng khi tham gia trò chơi,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1. HĐ Mở đầu**Giới thiệu nội dung tiết sinh hoạt**2.HĐ Luyện tập thực hành****Hoạt động 1: Quan sát và liên hệ**HS xem tranh trong SGK. Các em nói về những việc làm cụ thể của các bạn trong tranh: Bạn thì bỏ rác vào thùng đựng rác, bạn tưới cây, bạn nhổ cỏ cho vườn cây. Tất cả đang cùng nhau chăm sóc vườn cây xanh. Các em tự liên hệ bản thân về những việc làm cụ thể của bản thân mình thể hiện sự hợp tác với mọi người trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình, ở trường hay nơi công cộng.*Kết luận*HS hiểu được rằng chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện rất nhiều hoạt động hợp tác cụ thể trong đời sống hằng ngày.***Hoạt động 2: Chia sẻ***GV tổ chức cho HS chia sẻ cặp đôi về những việc đã làm cùng nhau ở lớp. Các em trao đổi về công việc cụ thể đã làm như: cùng tưới cây, cùng dọn vệ sinh và bỏ rác vào thùng rác (cùng trực nhật) hay cùng nhau tập văn nghệ, làm vòng, làm hộp bút.*Kết luận*HS học được cách hợp tác cùng các bạn khi làm việc tập thể sẽ mang lại nhiều điều lí thú và bổ ích.**Hoạt động 3” Trò chơi: “Đưa bóng vào rổ”**Toàn lớp xếp thành hai hàng. Phía trước là chiếc rổ rỗng đựng các quả bóng khi HS đưa bóng vào rổ. Khi có hiệu lệnh từ phía GV, 2 HS đại diện 2 hàng nhanh chóng chạy lên đưa bóng vào rổ bằng cách để quả bóng vào giữa trán của 2 bạn, di chuyển sao cho quả bóng không bị rơi. Khi đến rổ, 2 bạn cần khéo léo để cùng thả được quả bóng vào rổ.*Kết luận*Nếu chúng ta biết hợp tác cùng nhau khi chơi trò chơi hay làm bất kì việc nào thì sẽ đạt được kết quả.**\* Củng cố và nối tiếp**- Liên hệ qua bài và giáo dục- GV chốt nội dung tiết sinh hoạt- Chuẩn bị tiết sau- Nhận xét tiết sinh hoạt | - HS lắng nghe- Quan sát cá nhân- HS quan sát làm việc theo cặp. - HS nhận xét và chia sẻ- HS nhắc lại- HS chia sẻ theo cặp- HS nhận xét và chia sẻ- HS nhắc lại- HS chơi trò chơi- HS nhắc lại |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................--------------------------------------------------------------------------------------------------